**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

---------------🙢🕮🙠---------------

**ĐỒ ÁN MÔN HỌC CÔNG NGHỆ .NET**

**ĐỀ TÀI: WEB ĐẶT VÉ XEM PHIM**

**NHÓM 5**

**THÀNH VIÊN:**

3121410353 – Trần Khôi Nguyên

3121410549 – Nguyễn Thanh Tú

3121410383 – Nguyễn Thanh Phong

3121410358 – Hoàng Văn Nhân

3121410512 – Hồ Sĩ Tịnh

3120560069 – Bùi Thị Yến Nhi

*Giảng viên: Từ Lãng Phiêu*

*Tp. Hồ chí minh, Ngày …. tháng …. năm ….*

**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN**

MỤC LỤC

[LỜI MỞ ĐẦU 1](#_Toc11077)

[CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN 2](#_Toc9001)

[1.1 Mục tiêu nghiên cứu 2](#_Toc31177)

[1.2 Phạm vi nghiên cứu 2](#_Toc22710)

[1.3 Cấu trúc báo cáo 3](#_Toc31351)

[CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT 4](#_Toc25799)

[2.1 Giới thiệu về hệ thống đặt vé trực tuyến 4](#_Toc21898)

[2.2 Các công nghệ và công cụ sử dụng 4](#_Toc22749)

[2.2.1 Ngôn ngữ lập trình và công nghệ web 4](#_Toc24576)

[2.2.2 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 5](#_Toc8560)

[2.2.3 Công cụ phát triển 5](#_Toc31236)

[2.3 Mô hình phát triển hệ thống 5](#_Toc30030)

[2.4 Kết luận 5](#_Toc8525)

[CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 6](#_Toc31978)

[3.1 Phân tích hệ thống 6](#_Toc24500)

[3.1.1 Yêu cầu hệ thống 6](#_Toc22821)

[3.1.2 Đối tượng sử dụng hệ thống 6](#_Toc16217)

[3.2 Thiết kế hệ thống 7](#_Toc11605)

[3.2.1 Mô hình kiến trúc hệ thống 7](#_Toc30987)

[3.2.2 Thiết kế cơ sở dữ liệu 7](#_Toc11929)

[3.2.3 Thiết kế giao diện người dùng (UI/UX) 7](#_Toc30416)

[CHƯƠNG 4: TRIỂN KHAI HỆ THỐNG 9](#_Toc2747)

[4.1 Môi trường triển khai 9](#_Toc21433)

[4.2 Quy trình triển khai 9](#_Toc19246)

[4.2.1 Triển khai cơ sở dữ liệu 9](#_Toc2931)

[4.2.2 Phát triển chức năng chính 16](#_Toc15592)

[4.3 Triển khai giao diện người dùng (Frontend) 16](#_Toc24363)

[4.3.1 Trang chủ (Home Page) 16](#_Toc27691)

[4.3.2 Trang đăng nhập đăng ký 17](#_Toc25278)

[4.3.3 Trang chi tiết phim 17](#_Toc31612)

[4.3.4 Trang đặt vé 17](#_Toc31826)

[4.3.5 Trang quản trị (Admin Dashboard) 17](#_Toc5967)

[CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN 18](#_Toc12744)

[5.1 Kết luận 18](#_Toc5182)

[5.2 Những hạn chế 18](#_Toc15015)

[5.3 Hướng phát triển 19](#_Toc29632)

[5.4 Bài học kinh nghiệm 20](#_Toc17004)

[5.5 Kết thúc 20](#_Toc11187)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 21](#_Toc26220)

[Tài liệu trực tuyến 21](#_Toc12100)

**Phân công việc và mức độ đóng góp:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thành viên** | **Phần trăm tham gia hoàn thành đồ án (tổng 100%)** | **Công việc** |
| 1 | Trần Khôi Nguyên | 16.7% | Thống kê, giao diện Admin |
| 2 | Nguyễn Thanh Phong | 16.7% | Đăng nhập, đăng ký, giao diện User |
| 3 | Hoàng Văn Nhân | 16.7% | Đặt vé, thanh toán |
| 4 | Nguyễn Thanh Tú | 16.7% | Quản lý rạp, quản lý phim |
| 5 | Hồ Sĩ Tịnh | 16.7% | Quản lý đơn hàng, quản lý người dùng |
| 6 | Bùi Thị Yến Nhi | 16.7% | Quản lý suất chiếu, quản lý combo |

# **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong thời đại công nghệ số ngày nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực của đời sống đang ngày càng trở nên phổ biến và cần thiết. Đặc biệt, ngành giải trí, cụ thể là lĩnh vực xem phim, đang chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ từ các phương thức đặt vé truyền thống sang các nền tảng trực tuyến.

Việc phát triển một website đặt vé xem phim không chỉ đáp ứng nhu cầu thuận tiện của người dùng mà còn giúp các rạp phim tối ưu hóa quy trình vận hành, quản lý lịch chiếu, và tăng doanh thu thông qua các chiến lược quảng bá trực tuyến. Với website này, người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin phim, lịch chiếu, lựa chọn chỗ ngồi yêu thích và thanh toán trực tuyến chỉ trong vài phút.

Bên cạnh đó, đề tài này còn mang tính thực tiễn cao, giúp nhóm thực hiện có cơ hội áp dụng các kiến thức đã học như thiết kế giao diện, xử lý cơ sở dữ liệu, lập trình web, và tích hợp thanh toán trực tuyến. Đồng thời, quá trình thực hiện đồ án cũng là cơ hội để nhóm nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, và tiếp cận với các công nghệ, công cụ phát triển web hiện đại.

Chính vì những lý do trên, nhóm quyết định chọn đề tài *"Web đặt vé xem phim"* để làm nội dung cho đồ án môn học. Chúng tôi kỳ vọng rằng sản phẩm sẽ không chỉ là bài học thực tiễn hữu ích mà còn có thể được ứng dụng rộng rãi trong thực tế.

# **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN**

## 1.1 Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng một hệ thống web đặt vé xem phim thân thiện với người dùng, đáp ứng các tiêu chí:

* Giao diện trực quan, dễ sử dụng.
* Chức năng tìm kiếm phim, lịch chiếu, và chọn ghế chính xác.
* Tích hợp thanh toán trực tuyến an toàn.

Cung cấp các chức năng quản lý dành cho admin, như quản lý phim, lịch chiếu, và doanh thu.

Áp dụng kiến thức về lập trình web và các công nghệ hiện đại để phát triển một sản phẩm thực tiễn.

## 1.2 Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

* Người dùng: Khách hàng có nhu cầu xem phim và đặt vé trực tuyến.
* Quản trị viên: Quản lý thông tin phim, lịch chiếu và doanh thu.

Phạm vi chức năng:

* Xây dựng các chức năng cơ bản như tìm kiếm phim, đặt vé, thanh toán.
* Phát triển giao diện quản trị cho admin.

Công nghệ sử dụng:

* Ngôn ngữ lập trình: HTML, CSS, JavaScript, C# (ASP.NET Core).
* Cơ sở dữ liệu: SQL Server.
* Công cụ phát triển: Visual Studio, GitHub.

## 1.3 Cấu trúc báo cáo

Báo cáo đồ án bao gồm các chương:

* Chương 1: Tổng quan – Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu.
* Chương 2: Cơ sở lý thuyết – Trình bày các công nghệ, công cụ và lý thuyết liên quan đến dự án.
* Chương 3: Phân tích và thiết kế hệ thống – Phân tích yêu cầu, xây dựng mô hình hệ thống và thiết kế giao diện.
* Chương 4: Triển khai hệ thống – Mô tả quá trình cài đặt, phát triển hệ thống.
* Chương 5: Kết quả và hướng phát triển – Tổng kết, đánh giá và đề xuất cải tiến cho hệ thống trong tương lai.

# CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## 2.1 Giới thiệu về hệ thống đặt vé trực tuyến

Hệ thống đặt vé trực tuyến là một giải pháp công nghệ cho phép người dùng tra cứu thông tin, lựa chọn dịch vụ và thực hiện giao dịch trực tiếp qua internet. Trong lĩnh vực đặt vé xem phim, hệ thống này giúp tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng bằng cách:

* Cung cấp thông tin chi tiết về phim, lịch chiếu, và chỗ ngồi.
* Cho phép người dùng đặt vé nhanh chóng mà không cần đến trực tiếp rạp.
* Tích hợp các phương thức thanh toán trực tuyến tiện lợi.

Các tính năng này đáp ứng xu hướng sử dụng dịch vụ số hóa trong ngành giải trí, đồng thời giúp các rạp chiếu phim nâng cao hiệu quả quản lý.

## 2.2 Các công nghệ và công cụ sử dụng

### 2.2.1 Ngôn ngữ lập trình và công nghệ web

HTML (HyperText Markup Language): Dùng để tạo cấu trúc cơ bản của trang web.

CSS (Cascading Style Sheets): Dùng để thiết kế giao diện, tạo hiệu ứng và định dạng các thành phần trên trang web.

JavaScript: Dùng để phát triển các tính năng động, xử lý sự kiện và giao tiếp với server qua AJAX.

ASP.NET Core: Framework phát triển web của Microsoft, hỗ trợ xây dựng các ứng dụng web mạnh mẽ và dễ bảo trì.

### 2.2.2 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

SQL Server: Được sử dụng để lưu trữ và quản lý dữ liệu liên quan đến người dùng, phim, lịch chiếu, và vé đặt.

### 2.2.3 Công cụ phát triển

Visual Studio: Môi trường phát triển tích hợp (IDE) hỗ trợ lập trình web và quản lý cơ sở dữ liệu.

GitHub: Dùng để quản lý mã nguồn và theo dõi tiến độ dự án.

## 2.3 Mô hình phát triển hệ thống

Dự án sử dụng mô hình MVC (Model-View-Controller) để phân tách các thành phần trong hệ thống:

* Model: Quản lý dữ liệu và logic xử lý liên quan.
* View: Hiển thị giao diện người dùng.
* Controller: Điều phối tương tác giữa người dùng và hệ thống.

## 2.4 Kết luận

Chương 2 đã trình bày các khái niệm và công nghệ cơ bản được sử dụng trong quá trình xây dựng hệ thống web đặt vé xem phim. Các lý thuyết và công cụ này sẽ là nền tảng cho việc phân tích, thiết kế và triển khai hệ thống trong các chương tiếp theo.

# CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

## 3.1 Phân tích hệ thống

### 3.1.1 Yêu cầu hệ thống

Yêu cầu chức năng:

* Cho phép người dùng đăng nhập đăng ký tài khoản để sử dụng hệ thống.
* Cho phép người dùng tìm kiếm phim theo tên, thể loại, hoặc thời gian chiếu.
* Hỗ trợ chọn ghế, đặt vé, và thanh toán trực tuyến.
* Gửi thông báo xác nhận sau khi đặt vé thành công.
* Cung cấp giao diện quản trị cho admin, bao gồm:

- Quản lý danh sách phim, lịch chiếu, và rạp chiếu.

- Thêm, sửa thông tin phim và lịch chiếu.

- Xem, thống kê doanh thu và xuất file excel.

Yêu cầu phi chức năng:

* Giao diện thân thiện, dễ sử dụng trên desktop.
* Hệ thống bảo mật cao, đảm bảo an toàn dữ liệu người dùng và giao dịch.
* Tốc độ xử lý nhanh, đáp ứng nhu cầu của người dùng.

### 3.1.2 Đối tượng sử dụng hệ thống

Người dùng thông thường: Tìm kiếm thông tin phim, đặt vé, và thanh toán.

Quản trị viên: Quản lý dữ liệu phim, lịch chiếu, rạp chiếu, và doanh thu.

## 3.2 Thiết kế hệ thống

### 3.2.1 Mô hình kiến trúc hệ thống

Hệ thống được xây dựng theo mô hình MVC (Model-View-Controller):

* Model: Quản lý dữ liệu phim, lịch chiếu, người dùng, và vé đặt.
* View: Cung cấp giao diện hiển thị thông tin cho người dùng và admin.
* Controller: Điều phối xử lý giữa giao diện và dữ liệu.

### 3.2.2 Thiết kế cơ sở dữ liệu

Hệ thống sử dụng các bảng như sau:

* Bảng Users: Lưu thông tin người dùng.
* Bảng Cinemas: Lưu thông tin về rạp
* Bảng Movies: Lưu thông tin về phim.
* Bảng Seats: Lưu thông tin ghế ngồi.
* Bảng Showtimes: Lưu thông tin lịch chiếu.
* Bảng Bookings: Lưu thông tin đơn đặt vé.
* Bảng BookingDetails: Lưu thông tin chi tiết đơn đặt vé.
* Bảng Combos: Lưu thông tin combo nước uống, đồ ăn.
* Bảng BookingCombos: Lưu thông tin combo trong đơn hàng.
* Bảng Banner: Lưu thông tin banner

### 3.2.3 Thiết kế giao diện người dùng (UI/UX)

Giao diện người dùng chính:

* Trang chủ: Hiển thị danh sách phim đang chiếu.
* Trang đăng nhập đăng ký: Cho phép người dùng tạo tài khoản và sử dụng để đăng nhập vào hệ thống.
* Trang chi tiết phim: Hiển thị thông tin phim.
* Trang đặt vé: Hiển thị sơ đồ ghế, cho phép chọn ghế và thanh toán.
* Trang quản trị: Giao diện để admin thêm, sửa, xóa phim, lịch chiếu, và xem doanh thu.

Nguyên tắc thiết kế giao diện:

* Giao diện trực quan, dễ thao tác.
* Sử dụng tông màu phù hợp với chủ đề điện ảnh.
* Đảm bảo tính tương thích với thiết bị desktop.

# CHƯƠNG 4: TRIỂN KHAI HỆ THỐNG

## 4.1 Môi trường triển khai

Ngôn ngữ lập trình:

* Frontend: HTML, CSS, JavaScript.
* Backend: C# (ASP.NET Core).

Cơ sở dữ liệu:

* Microsoft SQL Server.

Môi trường phát triển:

* Visual Studio: Phát triển ứng dụng.
* GitHub: Quản lý mã nguồn và hợp tác nhóm.

## 4.2 Quy trình triển khai

### 4.2.1 Triển khai cơ sở dữ liệu

Sử dụng Microsoft SQL Server để tạo các bảng dữ liệu đã nêu ở mục **3.2.2**.

|  |
| --- |
| -- Tạo cơ sở dữ liệu  CREATE DATABASE CinemaDB;  GO  ​  -- Sử dụng cơ sở dữ liệu vừa tạo  USE CinemaDB;  GO  ​  -- Hiển thị tiếng Việt  ALTER DATABASE CinemaDB COLLATE Vietnamese\_CI\_AS;  GO  ​  -- Tạo bảng Movies (Thông tin phim)  CREATE TABLE Movies (     MovieId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     Title NVARCHAR(255) NOT NULL,    [Description] NVARCHAR(1000),     Duration INT, -- thời lượng phim tính bằng phút     Rating NVARCHAR(10),     ReleaseDate DATE,     Genre NVARCHAR(100),    [Language] NVARCHAR(50),  TrailerUrl NVARCHAR(255),     ImageUrl NVARCHAR(255),  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1  );  ​  -- Tạo bảng Cinemas (Thông tin rạp chiếu phim)  CREATE TABLE Cinemas (     CinemaId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),    [Name] NVARCHAR(255) NOT NULL,    [Location] NVARCHAR(255),     Phone NVARCHAR(50),     City NVARCHAR(100),  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1  );  ​  -- Tạo bảng Showtimes (Thông tin suất chiếu)  CREATE TABLE Showtimes (     ShowtimeId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     MovieId INT NOT NULL,     CinemaId INT NOT NULL,  Price DECIMAL(10, 2) NOT NULL,     StartTime DATETIME NOT NULL,     EndTime DATETIME NOT NULL,     Hall NVARCHAR(50),  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1     FOREIGN KEY (MovieId) REFERENCES Movies(MovieId),     FOREIGN KEY (CinemaId) REFERENCES Cinemas(CinemaId),  );  ​  -- Tạo bảng Seats (Thông tin ghế ngồi)  CREATE TABLE Seats (     SeatId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     SeatNumber NVARCHAR(10) NOT NULL,     SeatType NVARCHAR(50),  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1  );  ​  -- Tạo bảng Users (Thông tin người dùng)  CREATE TABLE Users (     UserId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     UserName NVARCHAR(100) NOT NULL UNIQUE,    [Password] NVARCHAR(255) NOT NULL, -- lưu trữ mật khẩu đã mã hóa     Email NVARCHAR(255) NOT NULL,     Phone NVARCHAR(50) NOT NULL,  SignupDate DATETIME,    [Role] NVARCHAR(50) NOT NULL DEFAULT 'User', -- Vai trò người dùng (User/Admin)  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1  );  ​  -- Tạo bảng Bookings (Thông tin đặt vé)  CREATE TABLE Bookings (     BookingId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     UserId INT NOT NULL,     ShowtimeId INT NOT NULL,     BookingDate DATETIME NOT NULL DEFAULT GETDATE(),     TotalPrice DECIMAL(10, 2) NOT NULL,  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1,     FOREIGN KEY (UserId) REFERENCES Users(UserId),     FOREIGN KEY (ShowtimeId) REFERENCES Showtimes(ShowtimeId)  );  ​  -- Tạo bảng BookingDetails (Chi tiết đặt vé)  CREATE TABLE BookingDetails (     BookingDetailId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     BookingId INT NOT NULL,     SeatId INT NOT NULL,     Price DECIMAL(10, 2) NOT NULL,  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1,     FOREIGN KEY (BookingId) REFERENCES Bookings(BookingId),     FOREIGN KEY (SeatId) REFERENCES Seats(SeatId)  );  ​  -- Tạo bảng Combos (Thông tin combo bắp nước)  CREATE TABLE Combos (     ComboId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),    [Name] NVARCHAR(255) NOT NULL,    [Description] NVARCHAR(500),     Price DECIMAL(10, 2) NOT NULL,     Size NVARCHAR(50), -- Kích cỡ combo (Lớn, Vừa, Nhỏ)    [Type] NVARCHAR(50), -- Loại combo (Ví dụ: Popcorn & Drink, Snack & Drink)  ImageUrl NVARCHAR(255),  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1  );  ​  -- Tạo bảng BookingCombos (Thông tin combo đã được đặt)  CREATE TABLE BookingCombos (     BookingComboId INT PRIMARY KEY IDENTITY(1,1),     BookingId INT NOT NULL,     ComboId INT NOT NULL,     Quantity INT NOT NULL, -- Số lượng combo  [Status] TINYINT NOT NULL DEFAULT 1,     FOREIGN KEY (BookingId) REFERENCES Bookings(BookingId),     FOREIGN KEY (ComboId) REFERENCES Combos(ComboId),  );  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Movies  INSERT INTO Movies (Title, [Description], Duration, Rating, ReleaseDate, Genre, [Language], TrailerUrl, ImageUrl)  VALUES  ('Avengers: Endgame', N'Siêu anh hùng chiến đấu chống lại Thanos.', 180, 'PG-13', '2019-04-26', 'Action', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Spider-Man: No Way Home', N'Spider-Man đối mặt với những thử thách mới.', 148, 'PG-13', '2021-12-17', 'Action', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('The Lion King', N'Hành trình của Simba để trở thành vua sư tử.', 118, 'G', '2019-07-19', 'Animation', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Frozen II', N'Anna và Elsa khám phá những bí ẩn về quá khứ của họ.', 103, 'PG', '2019-11-22', 'Animation', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Joker', N'Câu chuyện về kẻ thù đáng sợ của Batman.', 122, 'R', '2019-10-04', 'Drama', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Tenet', N'Một đặc vụ đi ngược thời gian để ngăn chặn Thế chiến III.', 150, 'PG-13', '2020-09-03', 'Sci-Fi', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Parasite', N'Hai gia đình với cuộc sống trái ngược nhau.', 132, 'R', '2019-05-30', 'Thriller', 'Korean', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('The Matrix Resurrections', N'Trở lại với thế giới ảo Matrix.', 148, 'R', '2021-12-22', 'Sci-Fi', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Dune', N'Câu chuyện sử thi về hành tinh sa mạc.', 155, 'PG-13', '2021-10-22', 'Adventure', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg'),  ('Black Widow', N'Câu chuyện về Natasha Romanoff.', 134, 'PG-13', '2021-07-09', 'Action', 'English', 'url', '/img/movies/venom\_thumnail.jpg');  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Cinemas  INSERT INTO Cinemas ([Name], [Location], Phone, City)  VALUES  (N'Galaxy Nguyễn Du', N'116 Nguyễn Du, Quận 1', '0123456789', N'Thành phố Hồ Chí Minh'),  (N'Galaxy Quang Trung', N'304A Quang Trung, Gò Vấp', '0123456781', N'Thành phố Hồ Chí Minh'),  (N'Galaxy Kinh Dương Vương', N'718 Kinh Dương Vương, Quận 6', '0123456782', N'Thành phố Hồ Chí Minh'),  (N'Galaxy Tân Bình', N'246 Nguyễn Hồng Đào, Tân Bình', '0123456783', N'Thành phố Hồ Chí Minh'),  (N'Galaxy Cà Mau', N'58 Lý Bôn, TP. Cà Mau', '0123456784', N'Cà Mau'),  (N'Galaxy Đà Nẵng', N'79 Điện Biên Phủ, Thanh Khê', '0123456785', N'Đà Nẵng'),  (N'Galaxy Long Xuyên', N'66 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên', '0123456786', N'An Giang'),  (N'Galaxy Bình Dương', N'555 Đại Lộ Bình Dương, Thủ Dầu Một', '0123456787', N'Bình Dương'),  (N'Galaxy Hà Nội', N'76 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy', '0123456788', N'Hà Nội'),  (N'Galaxy Phú Nhuận', N'212 Phan Xích Long, Phú Nhuận', '0123456780', N'Thành phố Hồ Chí Minh');  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Showtimes  INSERT INTO Showtimes (MovieId, CinemaId, Price, StartTime, EndTime, Hall)  VALUES  (1, 1, 90000, '2024-10-01 18:00', '2024-10-01 21:00', 'Hall 1'),  (2, 2, 90000, '2024-10-02 20:00', '2024-10-02 22:30', 'Hall 2'),  (3, 3, 90000, '2024-10-03 15:00', '2024-10-03 17:00', 'Hall 3'),  (4, 4, 90000, '2024-10-04 17:00', '2024-10-04 19:00', 'Hall 4'),  (5, 5, 90000, '2024-10-05 19:00', '2024-10-05 21:00', 'Hall 5'),  (6, 6, 90000, '2024-10-06 20:00', '2024-10-06 23:00', 'Hall 6'),  (7, 7, 90000, '2024-10-07 14:00', '2024-10-07 16:30', 'Hall 1'),  (8, 8, 90000, '2024-10-08 16:00', '2024-10-08 18:30', 'Hall 2'),  (9, 9, 90000, '2024-10-09 18:00', '2024-10-09 21:00', 'Hall 3'),  (10, 10, 90000, '2024-10-10 21:00', '2024-10-10 23:30', 'Hall 4');  ​  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Seats  DECLARE @Row INT = 1;  DECLARE @SeatType NVARCHAR(50);  DECLARE @SeatNumber NVARCHAR(5);  ​  WHILE @Row <= 8  BEGIN     DECLARE @Column INT = 1;  ​     WHILE @Column <= 8     BEGIN         -- Tạo số ghế theo kiểu "A1", "A2", ..., "H8"         SET @SeatNumber = CHAR(64 + @Row) + CAST(@Column AS NVARCHAR(2));  ​         -- Xác định loại ghế (VIP cho hàng > 5, Standard cho các hàng còn lại)         IF @Row > 5             SET @SeatType = 'VIP';         ELSE             SET @SeatType = 'Standard';  ​         -- Chèn vào bảng Seats         INSERT INTO Seats (SeatNumber, SeatType)         VALUES (@SeatNumber, @SeatType);  ​         SET @Column = @Column + 1;     END;  ​     SET @Row = @Row + 1;  END;  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Users  INSERT INTO Users (UserName, [Password], Email, Phone, SignupDate, [Role])  VALUES  ('user1', 'password1', 'user1@example.com', '0123456789', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user2', 'password2', 'user2@example.com', '0123456781', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user3', 'password3', 'user3@example.com', '0123456782', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user4', 'password4', 'user4@example.com', '0123456783', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user5', 'password5', 'user5@example.com', '0123456784', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user6', 'password6', 'user6@example.com', '0123456785', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user7', 'password7', 'user7@example.com', '0123456786', '2024-10-01 21:00', 'Admin'),  ('user8', 'password8', 'user8@example.com', '0123456787', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user9', 'password9', 'user9@example.com', '0123456788', '2024-10-01 21:00', 'User'),  ('user10', 'password10', 'user10@example.com', '0123456780', '2024-10-01 21:00', 'Admin');  ​  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Bookings  INSERT INTO Bookings (UserId, ShowtimeId, BookingDate, TotalPrice)  VALUES  (1, 1, GETDATE(), 150000),  (2, 2, GETDATE(), 200000),  (3, 3, GETDATE(), 100000),  (4, 4, GETDATE(), 120000),  (5, 5, GETDATE(), 180000),  (6, 6, GETDATE(), 160000),  (7, 7, GETDATE(), 130000),  (8, 8, GETDATE(), 170000),  (9, 9, GETDATE(), 140000),  (10, 10, GETDATE(), 190000);  ​  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng BookingDetails  INSERT INTO BookingDetails (BookingId, SeatId, Price)  VALUES  (1, 1, 75000),  (1, 2, 75000),  (2, 3, 100000),  (2, 4, 100000),  (3, 5, 50000),  (3, 6, 50000),  (4, 7, 60000),  (4, 8, 60000),  (5, 9, 90000),  (5, 10, 90000),  (6, 9, 90000),  (7, 10, 90000);  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng Combos  INSERT INTO Combos ([Name], [Description], Price, Size, [Type], ImageUrl)  VALUES  (N'Combo Lớn', N'1 bắp lớn, 2 nước ngọt lớn.', 120000, N'Lớn', 'Popcorn & Drink', 'combo.jpg'),  (N'Combo Vừa', N'1 bắp vừa, 1 nước ngọt vừa.', 90000, N'Vừa', 'Popcorn & Drink', 'combo.jpg'),  (N'Combo Nhỏ', N'1 bắp nhỏ, 1 nước ngọt nhỏ.', 60000, N'Nhỏ', 'Popcorn & Drink', 'combo.jpg'),  (N'Combo Gia đình', N'2 bắp lớn, 4 nước ngọt lớn.', 200000, N'Lớn', 'Popcorn & Drink', 'combo.jpg'),  (N'Combo Snack', N'1 snack lớn, 1 nước ngọt lớn.', 80000, N'Lớn', 'Snack & Drink', 'combo.jpg'),  (N'Combo Đặc biệt', N'1 bắp lớn, 2 snack lớn, 2 nước ngọt.', 150000, N'Lớn', 'Popcorn & Snack', 'combo.jpg'),  (N'Combo Trẻ em', N'1 bắp nhỏ, 1 nước trái cây.', 50000, N'Nhỏ', 'Popcorn & Juice', 'combo.jpg'),  (N'Combo Cặp đôi', N'1 bắp lớn, 2 nước ngọt.', 110000, N'Lớn', 'Popcorn & Drink', 'combo.jpg'),  (N'Combo Người lớn', N'1 bắp lớn, 1 nước ngọt, 1 bia.', 130000, N'Lớn', 'Popcorn & Beer', 'combo.jpg'),  (N'Combo Snack Mix', N'1 bắp, 1 snack, 1 nước ngọt.', 90000, N'Vừa', 'Popcorn & Snack', 'combo.jpg');  ​  ​  -- Thêm dữ liệu vào bảng BookingCombos  INSERT INTO BookingCombos (BookingId, ComboId, Quantity)  VALUES  (1, 1, 2),  (2, 2, 1),  (3, 3, 3),  (4, 4, 2),  (5, 5, 1),  (6, 6, 2),  (7, 7, 1),  (8, 8, 1),  (9, 9, 2),  (10, 10, 1);  ​  -- Tạo bảng Banner (Thông tin Banners)  CREATE TABLE Banner (     BannerId INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,     ImageUrl NVARCHAR(MAX) NOT NULL,     Category NVARCHAR(MAX) NOT NULL  );  INSERT INTO Banner(ImageUrl, Category)  VALUES  ('/img/banners/cbfa76d3-a46a-4c2e-b0d3-baaae101f799.jpg','Main'),  ('/img/banners/7c3075f7-9f3f-464f-b17d-bce87303243a.jpg', 'Main'),  ('/img/banners/1600e54a-a791-438c-bd6e-473dbcddf5f8.jpg', 'Main'),  ('/img/banners/952552e3-5e90-459d-b445-27c7a1ef1b26.jpg', 'Cinema'),  ('/img/banners/238b6f91-955a-4b87-9529-125445e33f2a.jpg', 'Cinema'),  ('/img/banners/bf752ffc-a72e-4736-b5f7-dc8657b4f378.jpg', 'Cinema'); |

### 4.2.2 Phát triển chức năng chính

Đăng nhập đăng ký:

* Xây dựng giao diện đăng nhập và đăng ký.
* Chức năng phụ như quên mật khẩu, nhớ mật khẩu.

Đặt vé:

* Xây dựng giao diện chọn ghế và xác nhận vé.
* Xử lý logic kiểm tra trạng thái ghế (đã đặt hay còn trống).
* Tích hợp mã QR thanh toán (Momo hoặc VNPay).

Quản lý (Admin):

* Chức năng thêm, sửa thông tin phim, rạp, suất chiếu, combo, đơn hàng, người dùng, banner, thống kê.
* Giao diện quản trị sử dụng ASP.NET Razor Pages hoặc React.

## 4.3 Triển khai giao diện người dùng (Frontend)

### 4.3.1 Trang chủ (Home Page)

* Hiển thị danh sách phim nổi bật, banner quảng cáo.
* Tích hợp thanh tìm kiếm phim.

### 4.3.2 Trang đăng nhập đăng ký

* Có các trường nhập thông tin để người dùng đăng nhập đăng ký.
* Người dùng đăng nhập để được sử dụng hệ thống.

### 4.3.3 Trang chi tiết phim

* Hiển thị thông tin phim (tên, thể loại, mô tả, trailer).
* Hiển thị suất chiếu theo ngày.

### 4.3.4 Trang đặt vé

* Cung cấp sơ đồ ghế ngồi, thông tin phòng chiếu, combo.
* Hiển thị tổng giá tiền và nút thanh toán.

### 4.3.5 Trang quản trị (Admin Dashboard)

* Danh sách các phim, rạp, suất chiếu, combo, đơn hàng, người dùng, banner và doanh thu theo ngày/tháng.
* Các nút chức năng: Thêm, sửa dữ liệu.

# CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## 5.1 Kết luận

Sau quá trình nghiên cứu và triển khai, hệ thống web đặt vé xem phim đã được phát triển thành công, đáp ứng các mục tiêu đề ra ban đầu. Dưới đây là những điểm chính đạt được:

* Hoàn thành các chức năng cốt lõi:

- Đăng nhập đăng ký.

- Hiển thị danh sách phim trên trang chủ và chi tiết phim

- Đặt vé trực tuyến với giao diện thân thiện.

- Quản lý phim, lịch chiếu, và doanh thu thông qua trang quản trị.

* Cải thiện trải nghiệm người dùng:

- Giao diện thiết kế hiện đại, dễ sử dụng trên cả desktop và thiết bị di động.

- Thời gian xử lý nhanh, đáp ứng được như cầu của người dùng.

## 5.2 Những hạn chế

Dù hệ thống đã hoàn thành cơ bản nhưng vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục:

* Chưa tích hợp chức năng đa ngôn ngữ, giới hạn đối tượng người dùng.
* Thiếu hỗ trợ tính năng xem lịch sử đặt vé của người dùng.
* Hệ thống chưa tối ưu hiệu suất đến tối đa.
* Hiện tại, chỉ hỗ trợ dịch vụ thanh toán qua mã QR và xác nhận đã thanh toán thủ công.

## 5.3 Hướng phát triển

Để nâng cao chất lượng hệ thống, trong tương lai có thể phát triển thêm các tính năng và cải tiến như sau:

* Cải thiện giao diện và trải nghiệm người dùng:

- Tích hợp đa ngôn ngữ để mở rộng đối tượng người dùng.

- Thiết kế lại giao diện một số trang để phù hợp hơn với xu hướng hiện đại.

- Tích hợp thêm tính năng mới:

- Lịch sử đặt vé: Cho phép người dùng xem lại các giao dịch trước đó.

- Gợi ý phim theo sở thích: Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích hành vi người dùng và đưa ra các gợi ý phù hợp.

- Hỗ trợ tính năng hoàn, đổi vé trực tuyến.

* Mở rộng tích hợp công nghệ:

- Hỗ trợ thanh toán quốc tế thông qua các cổng thanh toán như Stripe, Apple Pay, và Google Pay.

- Xây dựng ứng dụng di động đồng bộ với hệ thống web.

- Sử dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud) để tăng khả năng mở rộng và đảm bảo hiệu suất hệ thống.

* Nâng cao bảo mật:

- Tích hợp xác thực hai yếu tố (2FA) để tăng cường an toàn cho tài khoản người dùng.

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật các lỗ hổng bảo mật trong hệ thống.

## 5.4 Bài học kinh nghiệm

Trong quá trình thực hiện đồ án, nhóm đã rút ra nhiều bài học quan trọng:

* Quản lý thời gian: Việc lập kế hoạch chi tiết và phân chia công việc hợp lý giúp dự án hoàn thành đúng tiến độ.
* Làm việc nhóm: Giao tiếp và phối hợp hiệu quả giữa các thành viên là yếu tố then chốt để đạt được kết quả tốt nhất.
* Nghiên cứu công nghệ: Hiểu rõ các công nghệ sử dụng là điều kiện tiên quyết để xây dựng hệ thống một cách tối ưu và bền vững.

## 5.5 Kết thúc

Hệ thống web đặt vé xem phim là một giải pháp công nghệ hữu ích, góp phần hiện đại hóa trải nghiệm đặt vé xem phim của người dùng và nâng cao hiệu quả quản lý cho các rạp chiếu phim. Dự án đã hoàn thành các mục tiêu đề ra ban đầu, đồng thời mở ra tiềm năng phát triển thêm nhiều tính năng giá trị trong tương lai.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## Tài liệu trực tuyến

Techmaster. “Giới thiệu dự án Web đặt vé xem phim trực tuyến (Chức Năng Admin).” Truy cập tại:https://techmaster.vn/posts/37941/gioi-thieu-du-an-web-dat-ve-xem-phim-truc-tuyen-chuc-nang-admin.

GalaxyCinema. “Web đặt vé xem phim trực tuyến ” Truy cập tại: https://www.galaxycine.vn/booking/.